

Số: 208/QC - TTĐGTS

Bình Định, ngày 13 tháng 11 năm 2024

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/QĐ-TTĐG ngày 02/01/2024)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng cho việc tổ chức cuộc đấu giá tài sản là Cho thuê quyền sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô sạp còn lại sau khi di dời tại Chợ An Nhơn (không bao gồm quyền sử dụng đất), (đính kèm bảng kê chi tiết và sơ đồ bố trí sắp xếp lô);

- Thời hạn cho thuê: Thời hạn cho thuê lô sạp theo chu kỳ 05 năm (kể từ ngày công nhận kết quả trúng đấu giá).

2. Đối tượng áp dụng:

Đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người mua được tài sản đấu giá và cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản.

Điều 2. Tổng giá khởi điểm để đấu giá cho thuê tài sản trong vòng 5 năm (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng): 2.823.285.000 đồng (Hai tỷ tám trăm hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

(chi tiết như phụ lục kèm theo)

Điều 3. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá

Trong giờ hành chính từ ngày niêm yết đến ngày mở cuộc đấu giá tại các lô sạp chợ An Nhơn, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Trước khi đăng ký tham gia đấu giá tài sản, người đăng ký tham gia đấu giá xem kỹ tài sản đấu giá, số lượng, chất lượng và giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá và nội dung Quy chế cuộc đấu giá tài sản.

Điều 4. Thời gian, địa điểm bán, đăng ký hồ sơ tham gia đấu giá

+ Tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản – địa chỉ: 37 Phan Đình Phùng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định: liên tục từ ngày niêm yết đến 16 giờ 00 phút ngày 03/12/2024

+ Tại Trụ sở Khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, TX. An Nhơn (gần công viên nước): từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút ngày 04/12/2024

* Các lô sạp còn lại do không có người tham gia đấu giá hoặc không đủ điều kiện đấu giá sẽ được tổ chức vào 02 tuần kế tiếp, cụ thể:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá:

+ Tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản – địa chỉ: 37 Phan Đình Phùng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định: liên tục từ ngày niêm yết đến 16 giờ 00 phút ngày 10/12/2024 và ngày 17/12/2024.

+ Tại Trụ sở Khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, TX. An Nhơn (gần công viên nước): từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút ngày 11/12/2024 và ngày 18/12/2024.

Điều 5. Điều kiện và cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

1. Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá:

- Người tham gia đấu giá có đủ năng lực hành vi dân sự, có giấy tờ tùy thân theo quy định; có nhu cầu buôn bán tại chợ An Nhơn, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định và không thuộc các đối tượng được quy định tại Khoản 4, Điều 38, Luật đấu giá tài sản năm 2016, như sau:

“a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

b) Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

c) Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

d) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm c khoản này;

đ) Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.”

- Để phù hợp với quy mô Chợ và nhu cầu sử dụng mặt bằng kinh doanh, mỗi người đăng ký tham gia đấu giá được đăng ký đấu giá tối đa 02 lô sạp/1 ngành hàng và chỉ được đăng ký 01 ngành hàng.

- Người sau khi trúng đấu giá không được chuyển nhượng hoặc cho thuê lại hoặc ủy quyền cho người khác kinh doanh dưới bất kỳ mọi hình thức .

2. Cách thức để đăng ký tham gia đấu giá:

+ Cá nhân tham gia đấu giá phải có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do Trung tâm phát hành (bản chính), 01 bản photocopy giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, 01 bản photocopy chứng từ nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá, 01 chứng từ nộp tiền mua hồ sơ.

+ Đối với người tham gia đấu giá phải là người đứng tên đăng ký đấu giá, nếu người khác tham gia đấu giá thay thì phải có ủy quyền của người đăng ký tham gia đấu giá. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản của cơ quan công chứng.

Điều 6. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước.

1. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: *chi tiết như phụ lục kèm theo* (theo Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017).

2. Tiền đặt trước tham gia đấu giá: *chi tiết như phụ lục kèm theo*.

Từ 05 triệu đồng trở lên nộp vào tài khoản của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tại các Ngân hàng sau:

- * TK số: 4300201003401 tại Ngân hàng N₀&PTNT - Chi nhánh Bình Định.
- * TK số: 102010000407061 tại Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Bình Định.
- * TK số: 040031913502 tại Ngân hàng Ngân hàng Sacombank - CN Bình Định
- * TK số: 580.10000.929389 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định
- * Hoặc các tài khoản khác của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

Điều 7. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá

Lúc 08 giờ 00 phút, ngày 07/12/2024 tại Trụ sở Khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (gần công viên nước).

* Các lô sập còn lại đăng ký vào 02 tuần kế tiếp được tổ chức: lúc 08 giờ 00 phút, ngày 14/12/2024 và 21/12/2024 tại Trụ sở Khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (gần công viên nước).

Cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá, nếu không dự cuộc đấu giá thì có thể ủy quyền cho người khác tham gia đấu giá; việc ủy quyền thực hiện theo quy định pháp luật và tham gia đấu giá theo ngày giờ trong thông báo niêm yết công khai, Trung tâm không gửi giấy mời riêng, khi đi dự đấu giá mang theo phiếu thu tiền, giấy CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để kiểm tra trước khi vào phòng đấu giá.

Điều 8. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá

1. Hình thức Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá.

Đấu giá tài sản là hình thức bán tài sản có từ hai người trở lên tham gia đấu giá theo nguyên tắc, trình tự và thủ tục được quy định tại Luật đấu giá tài sản, trừ trường hợp quy định tại Điều 49 của Luật này.

Việc đấu giá tài sản trong trường hợp quy định tại Điều 49 của Luật này, chỉ áp dụng sau khi đã tổ chức cuộc đấu giá lần đầu nhưng không thành và được thực hiện như sau:

Trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên, khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc đấu giá, hoặc có nhiều người tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá, hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó nếu người có tài sản đấu giá đồng ý bằng văn bản.

2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên, trường hợp công khai giá khởi điểm thì giá trả phải ít nhất bằng giá khởi điểm.

Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá thực hiện quy trình đấu giá theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật đấu giá tài sản; phát số cho người tham gia đấu giá, hướng dẫn cách trả giá, chấp nhận giá và trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá và yêu cầu người tham gia đấu giá thực hiện việc trả giá (kể cả người được ủy quyền); người trả giá sau phải trả giá cao hơn giá mà người trả trước liền kề đã trả, ít nhất bằng một bước giá (giá trả liền kề cộng bước giá).

3. Mức bước giá mỗi lần trả giá: *chi tiết như phụ lục kèm theo.*

4. Công bố người trúng đấu giá và những quy định liên quan.

Tại cuộc đấu giá, sau mỗi lần người tham gia đấu giá trả giá, Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá công bố giá đã trả và đề nghị những người tham gia đấu giá khác tiếp tục trả giá. Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá công bố người đã trả giá cao nhất là người trúng đấu giá sau khi nhắc lại 03 lần giá cao nhất đã trả và cao hơn giá khởi điểm mà không có người trả giá cao hơn.

Người trúng đấu giá mua tài sản thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) sẽ được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện giao kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá; số tiền mua tài sản còn lại người trúng đấu giá phải nộp theo thời hạn được quy định trong Biên bản bán đấu giá và Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, nếu người mua tài sản đấu giá không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua tài sản còn lại là vi phạm tiền đặt cọc thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Các trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá, bị truất quyền tham gia đấu giá và đấu giá không thành.

1. Trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá quy định tại k4 Điều 38 Luật đấu giá tài sản

a, Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

b, Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

c, Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

d, Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm c khoản này;

đ, Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp

dụng đối với loại tài sản đó.

2. Các trường hợp truất quyền tham gia đấu giá

Nghiêm cấm người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi nêu dưới đây, sẽ bị truất quyền tham gia đấu giá.

- a, Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá;
- b, Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản khác để dìm giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;
- c, Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá;
- d, Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;
- đ, Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

3. Các Trường hợp đấu giá không thành quy định tại Điều 52 của Luật đấu giá tài sản.

Điều 10. Các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước

Theo khoản 6 Điều 39 Luật đấu giá tài sản quy định các trường hợp sau:

- 1. Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;**
- 2. Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật này.**

Nghiêm cấm người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, cá nhân tổ chức khác thực hiện các hành vi sau:

- Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá;
- Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để dìm giá, làm sai lệch kết quả đấu giá ;
- Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối mất trật tự tại cuộc đấu giá;
- Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;
- Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

3. Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật này;

Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá được coi như không chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc không chấp nhận mua tài sản đấu giá đối với tài sản mà theo quy định của pháp luật kết quả đấu giá tài sản phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của

Luật này;

Tại cuộc đấu giá, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì cuộc đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó. Người rút lại giá đã trả hoặc rút lại giá đã chấp nhận như quy định tại Điều 50 nói trên, bị truất quyền tham gia cuộc đấu giá.

5. Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật này.

Trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên, sau khi đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại cuộc đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá

Trường hợp giá trả liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì cuộc đấu giá không thành.

* Tiền đặt trước quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật đấu giá tài sản thuộc về người có tài sản đấu giá. Nếu là cơ quan Nhà nước thì tiền đặt trước nói trên nộp vào Ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật, sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản.

Điều 11. Thông báo công khai quy chế cuộc đấu giá

Quy chế cuộc đấu giá tài sản này được niêm yết công khai tại trụ sở đấu giá theo quy định pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành.

Cán bộ, viên chức, Đấu giá viên, người tham gia đấu giá và đơn vị có liên quan thực hiện các quy định của pháp luật về đấu giá và nội dung của Quy chế này. Nếu cá nhân, tổ chức nào vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho Quy chế cuộc đấu giá tài sản trước đây đồng thời chỉ có giá trị thực hiện đối với tài sản đấu giá nêu tại Điều 1 của Quy chế này và nếu có sự thay đổi về giá trị tài sản sau mỗi lần giảm giá cũng như thủ tục về thời gian tổ chức đấu giá lại theo từng thông báo đấu giá tài sản.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Thông báo và niêm yết công khai tại Trung tâm;
- Lưu: HS, VT.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Ngọc Uyên

BẢNG KẾ CHI TIẾT
đầu giá quyền sử dụng đất để bán hàng các lô sạp tại chợ An Nhơn

STT	Ký hiệu lô, sạp	Vị trí	Diện tích (m2)	Ngành hàng kinh doanh	Ghi chú	Giá khởi điểm (Đã bao gồm thuế) Đồng/lô sạp/cả chu kỳ thuê (5 năm)	Tiền đặt trước	Tiền HSTG đầu giá	Bước giá
I	Khu chợ chính		504,0			1.848.960.000			
1	008	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
2	009	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
3	010	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
4	021	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
5	022	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
6	104	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
7	105	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
8	106	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
9	107	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
10	108	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
11	109	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
12	110	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
13	111	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
14	112	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
15	113	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
16	114	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
17	115	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
18	116	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
19	117	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
20	118	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
21	119	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
22	120	Chợ chính	9,0	Quần áo, Vải, May đo, sida	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
23	174	Chợ chính	9,0	Hàng tóc	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
24	175	Chợ chính	9,0	Hàng tóc	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
25	179	Chợ chính	9,0	Hàng tóc	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
26	181	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
27	182	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
28	183	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
29	184	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
30	185	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
31	186	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
32	187	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
33	188	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
34	189	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
35	190	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
36	191	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
37	192	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
38	193	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
39	194	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
40	195	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000

41	196	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
42	197	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
43	198	Chợ chính	9,0	Hàng mã, hàng khô	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
44	205	Chợ chính	9,0	Gia vị khô	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
45	206	Chợ chính	9,0	Gia vị khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
46	207	Chợ chính	9,0	Gia vị khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
47	208	Chợ chính	9,0	Gia vị khô	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
48	210	Chợ chính	9,0	Gia vị khô	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
49	211	Chợ chính	9,0	Gia vị khô	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
50	223	Chợ chính	9,0	Dép mủ	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
51	224	Chợ chính	9,0	Dép mủ	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
52	225	Chợ chính	9,0	Dép mủ	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
53	226	Chợ chính	9,0	Dép mủ	1 mặt tiền	31.860.000	6.372.000	100.000	1.600.000
54	228	Chợ chính	9,0	Dép mủ	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
55	235	Chợ chính	9,0	Sành sứ, gạo, bánh trắng	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
56	271	Chợ chính	9,0	Hành tỏi	2 mặt tiền	35.100.000	7.020.000	100.000	1.800.000
II	Khu Lán chợ		315,0			974.325.000			
1	21	4C	6,25	Mắm cá khô	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
2	007	4C	6,25	Mắm, cá khô	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
3	48	4C	6,25	Xay nem, chả	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
4	111	4C	6,25	Thịt heo, bò	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
5	112	4C	6,25	Thịt heo, bò	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
6	114	4C	6,25	Thịt heo, bò	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
7	175	4B	6,25	Tạp hoá, gia vị nấm	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
8	180	4B	6,25	Tạp hoá, gia vị nấm	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
9	199	4B	6,25	Tạp hoá, gia vị nấm	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
10	228	4C	6,25	Thủy hải Sản	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
11	242	4B	6,25	Rau, củ quả	1 mặt tiền	18.000.000	3.600.000	50.000	1.000.000
12	259	4B	6,25	Rau, củ quả	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
13	261	4B	6,25	Rau, củ quả	1 mặt tiền	18.000.000	3.600.000	50.000	1.000.000
14	264	4B	6,25	Hàng chuối	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
15	269	4B	6,25	Rau, củ quả	1 mặt tiền	18.000.000	3.600.000	50.000	1.000.000
16	412	4B	6,25	Rau, củ quả	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
17	433	4B	6,25	Rau, củ quả	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
18	447	4B	6,25	Trái cây	2 mặt tiền	19.875.000	3.975.000	50.000	1.000.000
19	417	4B	6,25	Trái cây	1 mặt tiền	18.000.000	3.600.000	50.000	1.000.000
20	418	4B	6,25	Trái cây	1 mặt tiền	18.000.000	3.600.000	50.000	1.000.000
21	457	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
22	458	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	1 mặt tiền	28.800.000	5.760.000	100.000	1.500.000
23	459	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
24	460	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
25	461	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	1 mặt tiền	28.800.000	5.760.000	100.000	1.500.000
26	462	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
27	463	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
28	464	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
29	465	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
30	466	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
31	467	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	1 mặt tiền	28.800.000	5.760.000	100.000	1.500.000
32	468	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
33	516	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000

34	517	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
35	521	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	1 mặt tiền	28.800.000	5.760.000	100.000	1.500.000
36	504	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
37	506	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	1 mặt tiền	28.800.000	5.760.000	100.000	1.500.000
38	510	4A	10,0	Hàng ăn uống giải khát	2 mặt tiền	31.800.000	6.360.000	100.000	1.600.000
39	512	4A	10,0	Hàng ăn sáng	1 mặt tiền	28.800.000	5.760.000	100.000	1.500.000
Tổng			819,0			2.823.285.000			

